

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY AN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2021/HSST

Ngày: 16/9/2021

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY AN, TỈNH PHÚ YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Diễm Huyền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Mạnh Tiến và ông Phạm Ngọc Trung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thanh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Ông Lê Quang Chính - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân (TAND) huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 11/2021/HSST ngày 10 tháng 6 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2021/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 7 năm 2021 đối với:

*** Bị cáo: Trần Thị Thanh H**– sinh năm 1980, tại tỉnh Phú Yên; Nơi cư trú: Thôn H, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên; Nghề nghiệp: Nông. Trình độ văn hóa (học vấn): 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Thanh H, sinh năm 1954 và bà Trần Thị S, sinh năm 1961. Chồng: Trần Kim T, sinh năm 1973; Có 01 con sinh năm 2001; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại. Có mặt.

*** Người bào chữa cho bị cáo Trần Thị Thanh H:** Ông Trần Danh T – Luật sư Văn phòng luật sư T thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Phú Yên. Có mặt.

*** Bị hại:** Bà Nguyễn Thị N- sinh năm 1957; Trú tại: Thôn P, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt (có đơn xét xử vắng mặt).

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Anh Trần Kim T, sinh năm 1973; Trú tại: Thôn H, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt (có đơn xét xử vắng mặt)

*** Người làm chứng:**

- Chị Trần Thị T, sinh năm 1995; Trú tại: Thôn P, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

- Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1972; Trú tại: Thôn P, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 07 giờ 20 phút ngày 06/02/2021, Trần Thị Thanh H điều khiển xe mô tô biển số 78H3-8922 đến chợ Đ thuộc Thôn P, xã A, huyện T để mua đồ. Khi đi ngang qua sạp hàng tạp hóa của bà Nguyễn Thị N thấy bọc nilong bên trong có tiền và chiếc điện thoại bỏ trong giỏ xách không có người trông coi nên H lấy trộm rồi bỏ vào trong giỏ xách đi chợ của mình, khi H đi được khoảng 10m thì bà N và mọi người phát hiện hô hoán bắt giữ. Qua kiểm tra bên trong giỏ xách có số tiền 6.566.000 đồng và một điện thoại di động nhãn hiệu Viettel V6314, H thừa nhận toàn bộ hành vi trộm cắp của mình.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 08/KL-HĐĐGTS ngày 26/02/2021 và số 14/KL- HĐĐGTS ngày 12/4/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T, tỉnh Phú Yên kết luận: Điện thoại di động nhãn hiệu Viettel trị giá 80.000 đồng; 01 sim điện thoại trị giá 50.000 đồng.

Vật chứng vụ án:

- Đã trả lại cho chủ sở hữu:
- + 01 xe mô tô biển số 78H3-8922;
- + 01 điện thoại di động nhãn hiệu Viettel V6314;
- + Số tiền 6.566.000đ ;
- Tạm giữ chờ xử lý: 01 giỏ xách màu đỏ hiệu Việt Thành, kích thước 42,5 x 40 x 20 cm;

Về dân sự: Bị hại bà Nguyễn Thị N đã nhận lại tài sản nên không yêu cầu gì.

Tại bản cáo trạng số 12/CT-VKSTA ngày 08/6/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy An truy tố bị cáo Trần Thị Thanh H về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự (BLHS).

Tại phiên tòa:

- Bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng đã truy tố, bị cáo ăn năn, hối hận về hành vi của mình và xin Hội đồng xét xử (HĐXX) giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo hưởng án treo.

- Tại đơn xin vắng mặt, bị hại bà Nguyễn Thị N trình bày bà bị mất các tài

sản do bị cáo H trộm cắp đúng như Cáo trạng truy tố; bà đã nhận lại tài sản nên không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo được tại ngoại.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần Kim T có đơn xét xử vắng mặt, trình bày: xe mô tô biển số 78H3-8922 là tài sản chung của vợ chồng anh T, do anh T đứng tên sở hữu, xe này vợ anh là bị cáo H dùng làm phương tiện đi lại, việc bị cáo thực hiện hành vi phạm tội thì bản thân anh T không biết, nay vợ chồng anh T đã nhận lại xe nên không có ý kiến gì.

- Đại diện Viện kiểm sát thực hiện quyền công tố phát biểu luận tội, vẫn giữ nguyên quyết định truy tố như nội dung bản cáo trạng. Sau khi phân tích hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo: Trần Thị Thanh H phạm tội Trộm cắp tài sản.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 65 BLHS, đề nghị xử phạt bị cáo Trần Thị Thanh H từ 06 đến 09 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân (UBND) xã A, huyện T giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp bị cáo được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại đủ tài sản, không có yêu cầu gì thêm nên đề nghị HĐXX không xem xét.

Về vật chứng vụ án: Đề nghị áp dụng điểm c khoản 2 Điều 106 BLTTHS tuyên tịch thu tiêu hủy: 01 giỏ xách màu đỏ hiệu Việt Thành, kích thước 42,5 x 40 x 20 cm;

- Người bào chữa cho bị cáo thống nhất về tội danh, hình phạt như đại diện Viện kiểm sát đã truy tố và luận tội; không tranh luận gì.

Trong phần đối đáp, không phát sinh tranh luận gì. Bị cáo nói lời sau cùng xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt, cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với vật chứng thu giữ, phù hợp với lời khai của bị hại, lời khai của người làm chứng và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập có trong hồ sơ vụ án về thời gian, địa điểm, diễn biến hành vi bị cáo đã thực hiện, nên đủ cơ sở kết luận: Khoảng 07 giờ 20 phút, ngày 06/02/2021, tại gian hàng tạp hóa bà Nguyễn Thị N ở khu vực chợ Đ thuộc thôn P, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên, Trần Thị Thanh H đã có hành vi lén lút lấy trộm số tiền 6.566.000đ và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Viettel V6314 kèm thẻ sim trị giá 130.000đ của bà Nguyễn Thị N. Tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt là 6.696.000đ. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS. Do đó, Cáo trạng của VKSND huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên truy tố bị cáo Trần Thị Thanh H về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 BLHS là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người khác là đối tượng được pháp luật bảo vệ, đồng thời còn ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an của địa phương. Bị cáo là người đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật hình sự, tuy nhiên vì mục đích tư lợi mà cố ý thực hiện nên cần xử phạt bị cáo mức án tương xứng với hành vi bị cáo gây ra. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, gia đình bị cáo có công cách mạng, bản thân bị cáo chưa có tiền án tiền sự, được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt nên áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS cho bị cáo.

Bị cáo có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng, có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 BLHS và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; bị cáo là nữ, nhất thời phạm tội. Bị cáo có khả năng tự cải tạo và việc không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội cũng không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Do đó, HĐXX chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên và ý kiến của Luật sư áp dụng Điều 65 BLHS cho bị cáo hưởng án treo thì cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục riêng và phòng ngừa chung cho xã hội.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu gì khác nên không đặt ra xem xét.

[4] Về vật chứng vụ án: - 01 giỏ xách màu đỏ hiệu Việt Thành, kích thước 42,5 x 40 x 20 cm; bị cáo dùng vào việc phạm tội nên tịch thu, tiêu hủy;

[5] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 65 của BLHS;

1. Tuyên bố: Bị cáo Trần Thị Thanh H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Xử phạt: Bị cáo Trần Thị Thanh H 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Trần Thị Thanh H cho UBND xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp bị cáo được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Không xem xét.

3. Về xử lý vật chứng vụ án: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS. Tịch thu tiêu hủy: 01 giỏ xách màu đỏ hiệu Việt Thành, kích thước 42,5 x 40 x 20 cm. (Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày

10/6/2021 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tuy An và Chi cục Thi hành án dân sự huyện T).

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Trần Thị Thanh H phải nộp 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Phú Yên (1)
- VKSND huyện Tuy An (1)
- VKSND tỉnh Phú Yên (1)
- Cơ quan CSĐT CA huyện Tuy An (1)
- Sở Tư pháp (1)
- Chi cục THADS huyện T (1)
- Bị cáo (1)
- Bị hại (1); Người có QLNVLQ (1)
- Lưu hồ sơ (2); Án Văn (1)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(*Đã ký*)

Trần Thị Diễm Huyền